

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DSST

Ngày: 31/8/2017

V/v “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Duẩn

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Dũng

Ông Nguyễn Văn Tấn

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Quý – Thư ký Toà án án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 31/8/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TLST-DS ngày 04/5/2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2015/QĐXX-ST ngày 26/ 7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Tr, sinh năm 1955 và bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Thôn PA, xã NA, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

Bị đơn: Bà Phan Thị P (P1), sinh năm 1973 và ông Võ Văn D, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã NA, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/4/2017 các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và tại phiên tòa ông Nguyễn Thế Tr và bà Lê Thị Kim Q trình bày:

Ngày 04/3/2015, ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (tên gọi khác là Phan Thị P1) có vay của ông, bà số tiền 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.500.000 đồng/ 01 tháng, thời hạn vay đến ngày 04/3/2016 sẽ hoàn trả tiền gốc cho ông, bà. Mục đích vay để mua ngư lưới cụ phục vụ đánh bắt xa bờ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông D, bà P1 chưa trả tiền lãi cho ông, bà, đồng thời đúng thời hạn trả nợ vay ông D, bà P1 không trả tiền gốc cho ông, bà. Đến cuối năm 2016 (âm lịch) ông, bà đến nhà yêu cầu ông Dung, bà P1 trả nợ thì ông D, bà P1 viết giấy hẹn sang tháng 01/2017(âm lịch) sẽ trả cho ông, bà số tiền 3.000.000 đồng, nhưng cũng không trả. Sau đó ông, bà nhiều lần yêu cầu ông D, bà

P1 trả nợ nhưng cứ hẹn mãi không chịu trả. Do vậy, nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà P1 phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/3/2015 đến 04/4/2017 là 25 tháng, theo mức lãi suất 0,8%/tháng là 30.000.000 đồng ($150.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 30.000.000đ$), còn tiền lãi sau ngày 4/4/2017 (tức là ngày 05/4/2017) đến khi giải quyết xong vụ án ông, bà không yêu cầu ông D, bà P1 trả tiền lãi.

* Bị đơn ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (P1): Nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến tòa để trình bày và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (P1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 04/3/2015, ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (tên gọi khác là Phan Thị P1) có vay của ông Nguyễn Thế Tr, bà Lê Thị Kim Q số tiền 150.000.000 đồng để mua ngư lưới cụ phục vụ đánh bắt xa bờ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.500.000 đồng/ 01 tháng, thời hạn vay đến ngày 04/3/2016 ông D, bà P1 sẽ hoàn trả tiền gốc cho ông Tr, bà Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông D, bà P1 chưa trả tiền lãi, đồng thời đúng thời hạn trả nợ vay ông D, bà P1 không trả tiền gốc cho ông Tr, bà Q. Mặc dù ông Tr, bà Q yêu cầu ông D, bà P1 trả nợ nhiều lần, nhưng cũng không chịu trả.

Nay ông Tr, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà P1 phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/3/2015 đến 04/4/2017 là 25 tháng, theo mức lãi suất 0,8%/tháng là 30.000.000 đồng ($150.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 30.000.000đ$). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 180.000.000 đồng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với khoản tiền lãi sau ngày 4/4/2017 (tức là ngày 05/4/2017) đến khi giải quyết xong vụ án ông Tr, bà Q không yêu cầu ông D, bà P1 phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (P1) phải chịu là 9.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thế Tr và bà Lê Thị Kim Q được miễn nộp tiền ứng án phí, nên không hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 144, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự (Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005); khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế Tr và bà Lê Thị Kim Q. Buộc ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (P1) phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế Tr và bà Lê Thị Kim Q tổng số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/3/2015 đến ngày 04/4/2017 là 30.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi sau ngày 4/4/2017 (tức là ngày 05/4/2017) đến khi giải quyết xong vụ án ông Tr, bà Q không yêu cầu ông D, bà P1 phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn D và bà Phan Thị P (P1) phải chịu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ông Nguyễn Thế Tr và bà Lê Thị Kim Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong các khoản tiền.

[4] Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duân

